**PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI KÌ II. NH 2022 - 2023**

**HUYỆN LONG ĐIỀN MÔN: ĐỊA LÍ - Lớp 9**

**Thời gian làm bài: 45 phút**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên Chủ đề**  (nội dung, chương...) | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | |
| **Cấp độ thấp** | **Cấp độ cao** |
| **1. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long** | - Vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và các đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế, xã hội của vùng.  - Biết các trung tâm kinh tế của vùng.  - Thế mạnh kinh tế của vùng. | Chứng minh ĐB SCL là vùng sản xuất lương thực thực phẩm lớn nhất cả nước. |  |  |
| *Số câu 4*  *Số điểm 3,5*  *Tỉ lệ: 35%* | *3(TN)*  *1,5 đ*  *15%* | *1 (TL)*  *2đ*  *20%* |  |  |
| **2. Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường biển đảo** | - Các đảo và quần đảo lớn trong vùng biển nước ta. - Trình bày hoạt động khai thác tài nguyên biển, đảo và phát triển tổng hợp kinh tế biển. |  | Nguyên nhân và hậu quả của sự giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển đảo nước ta. | - Một số biện pháp bảo vệ tài nguyên biển, đảo. |
| *Số câu 5*  *Số điểm 5,5*  *Tỉ lệ 55%* | *3 (TN), 1 (TL),*  *2,5đ*  *25%* |  | *0,5(TL)*  *2đ*  *20%* | *0,5(TL)*  *1đ*  *10%* |
| **3. Địa lí tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu** |  | Nhận xét cơ cấu kinh tế tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu. Nhận xét. |  |  |
| *Số câu 1*  *Số điểm 1*  *Tỉ lệ 10%* |  | *1 (TL)*  *1đ*  *10%* |  |  |
| **Tổng số câu 10**  **Tổng số điểm 10**  **Tỉ lệ 100%** | **6 (TN), 1 (TL)**  **4đ**  **40%** | **2 (TL)**  **3đ**  **30%** | **0,5 (TL)**  **2đ**  **20%** | **0,5 (TL)**  **1đ**  **10%** |

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II. NH 2022 - 2023**

**HUYỆN LONG ĐIỀN MÔN: ĐỊA LÍ - Lớp 9**

**Thời gian làm bài: 45 phút**

**I. TRẮC NGHIỆM: (3 điểm )**

*Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất: (0,5 điểm/câu)*

**Câu 1**: **Trong cơ cấu công nghiệp của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, ngành công nghiệp nào chiếm tỉ trọng cao nhất?**

A. Khai khoáng.         B. Cơ khí nông nghiệp.

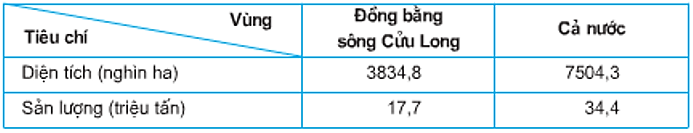
C. Vật liệu xây dựng. D. Chế biến lương thực, thực phẩm.

**Câu 2:** Vào màu khô, khó khăn lớn nhất đối với nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là:

A. Cháy rừng B. Triều cường

C. Thiếu nước ngọt D. Xâm nhập mặn

**Câu 3:**Cho bảng số liệu Diện tích, sản lượng lúa ở đồng bằng sông cửu long và cả nước năm 2002. **Hỏi năng suất lúa trung bình của Đồng bằng sông Cửu Long là bao nhiêu tạ/ha?**



A. 21,0 tạ/ha B. 46,1 tạ/ha C. 56,1 tạ/ha D. 61,4 tạ/ha

**Câu 4: Một trong những hoạt động đang được ưu tiên của ngành thủy sản nước ta hiện nay.**

A. Phát triển khai thác hải sản xa bờ.

B. Tập trung khai thác hải sản ven bờ.

C. Hình thành các cảng cá dọc bờ biển.

D. Đầu tư đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

**Câu 5: Tài nguyên khoáng sản có tiềm năng quan trọng nhất của vùng biển Việt Nam là:**

A. Muối. B. Dầu mỏ, khí đốt. C. Cát trắng. D. Oxit titan.

**Câu 6.**Cho bảng số liệu: sản lượng dầu thô và khí tự nhiên của nước ta, giai đoạn 2000 - 2015

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2015** |
| Dầu thô *(nghìn tấn)* | 16 291 | 18 519 | 15 014 | 18 746 |
| Khí tự nhiên *(triệu m3)* | 1 596 | 6 440 | 9 402 | 10 660 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)*

**Để thể hiện sản lượng dầu thô và khí tự nhiên của nước ta giai đoạn 2000 - 2015 theo bảng số liệu, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?**

A. Tròn.   B. Miền.            C. Kết hợp.                     B. Đường.

**II. TỰ LUẬN: (7 điểm)**

**Câu 1:** *(2 điểm)* Chứng minh Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất lương thực thực phẩm lớn nhất cả nước?

**Câu 2:** *(1 điểm)* Dựa vào At.lat trang 4.5 nêu tên các đảo và quần đảo thuộc các tỉnh Quảng Ninh, Đà Nẵng, Khánh hòa, Kiên Giang?

**Câu 3:** *(3 điểm)* Nguyên nhân và hậu quả của sự giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển đảo nước ta? Đề xuất một số biện pháp bảo vệ tài nguyên biển, đảo?

**Câu 4:** *(1 điểm)* Bảng 4.1. *Giá trị sản xuất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chia theo khu vực kinh tế qua các năm*

Đơn vị: %

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2008** | **2010** |
| Nông – lâm – ngư | 4,5 | 5,6 |
| Công nghiệp - xây dựng | 89,2 | 85,7 |
| Dịch vụ | 6,3 | 8,7 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Bà Rịa – Vũng Tàu, 5/2011)*

Từ biểu đồ đã vẽ, hãy rút ra nhận xét về tỉ trọng các ngành nông – lâm - ngư nghiệp, công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

---------------------------------------------- Hết -------------------------------------------------

**PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ĐÁP ÁN KT CUỐI KÌ II. NH 2022 - 2023**

**HUYỆN LONG ĐIỀN MÔN: ĐỊA LÍ - Lớp 9**

**Thời gian làm bài: 45 phút**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | | | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. Trắc nghiệm** | | | | |
| **1** | | | D | 0,5 |
| **2** | | | C | 0,5 |
| **3** | | | B | 0,5 |
| **4** | | | A | 0,5 |
| **5** | | | B | 0,5 |
| **6** | | | C | 0,5 |
| **II. Tự luận** | | | | |
| **1** | **Chứng minh Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất lương thực thực phẩm lớn nhất cả nước.**  - Diện tích và sản lượng lúa chiếm 51%, cả nước. Lúa được trồng ở tất cả các tỉnh ở đồng bằng   - Bình quân lương thực đầu người của vùng đạt 1066,3 kg/ người gấp 2,3 lần cả nước, năm 2002. Vùng ĐBSCL trở thành vùng xuất khẩu gạo chủ lực của nước ta   - Vùng ĐBSCL còn là vùng trồng cây ăn quả lớn nhất cả nước với nhiều loại hoa quả nhiệt đới: Xoài, Dừa, Cam, Bưởi  - Nghề chăn nuôi vịt cũng được phát triển mạnh. Vịt được nuôi nhiều nhất ở các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau, Vĩnh Long, Trà Vinh  - Tổng sản lượng thuỷ sản của vùng chiếm hơn 50% của cả nước, tỉnh nuôi nhiều nhất là Kiên Giang, Cà Mau.  - Nghề nuôi trồng thuỷ sản, đặc biệt là nghề nuôi Tôm, Cá xuất khẩu đang được phát triển mạnh | | **2**  0,25  0,25  0,5  0,5  0,25  0,25 |
| **2** | **Tên hai quần đảo lớn:**  + Hoàng Sa – Khánh Hòa  + Trường Sa – TP Đà Nẵng  **Tên đảo:** HS kể bất kì tên các đảo như : Phú Quốc (Kiên Giang), Lý Sơn (Quảng Nam),....(thiếu hoặc sai trừ 0,25đ) | | **1**  0,25  0,25  0,5 |
| **3** | **\* Nguyên nhân của sự giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường:**  - Khai thác nguồn lợi thủy sản vượt quá mức độ phục hồi.  - Chưa bảo vệ tốt các diện tích rừng ngập mặn ven biển và các tài nguyên sinh vật khác của vùng biển - đảo.  - Các chất thải từ sinh hoạt, sản xuất công nghiệp của các khu dân cư, các khu công nghiệp, các khu du lịch ở ven biển đảo.  - Hoạt động khai thác khoáng sản biển, nạn tràn dầu từ các phương tiện vận tải biển.  **\* Hậu quả**:  - Làm suy giảm tính đa dạng sinh vật của nước ta, cạn kiệt tài nguyên.  - Ảnh hưởng xấu tới việc phát triển tổng hợp kinh tế biển theo hướng bền vững (đặc biệt phát triển nghề cá, du lịch biển - đảo)… **\* Giải pháp:**  - Đánh giá tiềm năng sinh vật tại các vùng biển sâu. Đầu tư để chuyển hướng khai thác hải sản từ vùng biển ven bờ sang vùng nước sâu xa bờ.  - Bảo vệ rừng ngập mặn hiện có, phòng chống ô nhiễm biển bởi các yếu tố hóa học, đặc biệt là dầu mỏ | | **1**  0,25  0,25  0,25  0,25  **1**  0,5  0,5  **1**  0,5  0,5 |
| **4** | **Nhận xét:**  - Tỉ trọng các ngành nông – lâm - ngư nghiệp và dịch vụ tăng chậm (dẫn chứng)  - Tỉ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ chiếm tỉ trọng cao, tăng (dẫn chứng) | | 1  0,5  0,5 |